

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2023/DS-PT

Ngày 22 - 8 - 2023

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng tín dụng, hợp đồng thế
chấp, đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

- Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 4 và ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án
nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
488/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp dân sự về hợp
đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2023/QĐXXPT-DS
ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân L1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Chủ tịch
Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số I lô A, khu dân cư K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1957.

2.2. Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Số C, khóm C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Thanh C1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số C, khóm C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim C, chị Nguyễn Thị Diễm T, là bị đơn.

(Bà C, ông L, anh C1, anh T1 có mặt; chị T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn *Quỹ tín dụng nhân dân L1 (gọi tắt là *Quỹ tín dụng*)* trình bày:

Ngày 17/12/2019 Quỹ tín dụng có cho bà Nguyễn Thị Kim C vay số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 534/2019/HĐTD, lãi suất 0,95%/tháng, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích vay mua bán tạp hóa, để đảm bảo cho khoản vay là Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 125, tờ bản đồ số 52, giấy quyền sử dụng đất số bìa BV284477, số vào sổ GCN CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim C. Trong thời gian vay bà C không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng đã ký, tính đến ngày 18/01/2021 bà C còn nợ Quỹ tín dụng vốn và lãi là 339.330.000 đồng.

Nay, Quỹ tín dụng yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Diễm T trả số tiền vốn, lãi tính đến ngày 18/01/2021 là 339.330.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 19/01/2021 đến khi bà C và chị T trả nợ xong cho Q tín dụng. Nếu bà C và chị T không thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký thì Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án xử lý Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 125, tờ bản đồ số 52, giấy quyền sử dụng đất số bìa BV284477, số vào sổ GCN CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim C để thu hồi nợ.

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Trước đây bà C có cho con trai là anh Nguyễn Minh T1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 125, tờ bản đồ số 52, giấy quyền sử dụng đất số bìa BV284477, số vào sổ GCN CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim C để vay tiền tại Quỹ tín dụng, nhưng anh T1 đã trả xong vào giữa tháng 12/2019. Theo lời anh T1 nói lại sau khi trả nợ xong thì anh Nguyễn Thanh C1 con của bác ruột lúc này là Giám đốc Quỹ tín dụng mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay 300.000.000 đồng và hẹn 01 tuần sau sẽ trả lại cho anh T1. Đồng thời, anh T1 cũng cho anh C1 mượn số tiền 6.809.000.000 đồng của X em gái của anh T1, cũng hẹn 01 tuần trả nhưng anh

C1 không trả. Ngày 21/01/2020 anh C1 viết biên nhận và ký tên người nhận, nội dung ghi Nguyễn Thanh C1 có mượn của bà Nguyễn Thị Kim C hồ sơ vay tại Quỹ tín dụng (HS vay tại QTD) số tiền 300.000.000 đồng và mượn của X 6.809.000.000 đồng.

Việc anh T1 cho anh C1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thế chấp cho Q tín dụng vay 300.000.000 đồng bà C hoàn toàn không biết. Khi Quỹ tín dụng khởi kiện thì mới biết, bà khẳng định không có vay tiền, không thế chấp và không ký tên gì tại Quỹ tín dụng, lúc này bà hỏi anh T1 về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mượn trước đây, anh T1 nói cho anh C1 mượn và đưa giấy biên nhận ngày 21/01/2020 cho bà xem.

Nay bà C yêu cầu anh C1 phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng vốn và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 534/2019/HĐTD ngày 17/12/2019 (bên cho vay Quỹ tín dụng, bên vay bà C). Ngoài ra, bà yêu cầu anh C1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 125, tờ bản đồ số 52, giấy quyền sử dụng đất số bìa BV284477, sổ vào sổ GCN CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim C.

+ **Chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày:** Các văn bản liên quan đến hồ sơ vay vốn của bà C tại Quỹ tín dụng như: Giấy thỏa thuận giao thực hiện các quyền của thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất có chữ ký và viết tên của chị T; giấy đề nghị vay vốn phần người thừa kế có ghi chữ T viết tay và ký tên, chị T cho rằng không biết và không ký. Chị T không đồng ý cùng với bà C trả nợ cho Q tín dụng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Minh T1 trình bày: Anh T1 là con nuôi của bà Nguyễn Thị Kim C trước đây có mượn của bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 125, tờ bản đồ số 52, giấy quyền sử dụng đất số bìa BV284477, sổ vào sổ GCN CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim C để thế chấp tại Quỹ tín dụng vay tiền làm ăn. Đến cuối tháng 12/2019 anh T1 đã trả xong tiền vay cho Q tín dụng. Lẽ ra, sau khi trả tiền xong anh T1 lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do anh Nguyễn Thanh C1 con bác ruột lúc này đang là Giám đốc Quỹ tín dụng mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (anh C1 nói mượn 01 tuần nên không nói cho bà C biết) để thế chấp vay 300.000.000 đồng và hẹn 01 tuần sau trả. Đồng thời, anh C1 cũng mượn thêm số tiền 6.809.000.000 đồng của X em gái T1 cũng hẹn 01 tuần trả, ngày 21/01/2020 anh C1 viết chung biên nhận nội dung là anh C1 có mượn bà C (HS vay QTD) 300.000.000 đồng và mượn của X 6.809.000.000 đồng, tổng cộng 7.109.000.000 đồng. Lý do mượn cá nhân 01 tuần trả lại, đến nay anh C1 chưa trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mượn, nên anh C1 trả lại cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 125, tờ bản đồ số 52, giấy quyền sử dụng đất số bìa BV284477, sổ vào sổ GCN CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim C, anh C1 trả vốn và lãi của hợp đồng tín dụng số 534/2019/HĐTD ngày 17/12/2019 giữa bên cho vay Quỹ tín dụng và bên vay thế chấp tài sản bà C.

+ **Anh Nguyễn Thanh C1 trình bày:** Tháng 12/2017 thời gian này anh C1 là Giám đốc Quỹ tín dụng, bà C đến giao dịch vay vốn tại Quỹ tín dụng cùng anh Nguyễn Minh T1 (con nuôi bà C), thủ tục cho bà C vay tiền đảm bảo đúng quy định, khâu cuối cùng bà C ký nhận tiền tại quầy nhận tiền. Chu kỳ cho vay là 12 tháng phải trả gốc và lãi, chu kỳ đến hạn 2019 – 2020 trả nợ gốc, Quỹ tín dụng tạo điều kiện cho bà C trả lãi, không trả gốc, cán bộ tín dụng làm thủ tục lại giấy đơn vay vốn, hợp đồng tín dụng mới và bà C ký giấy nhận nợ mới đúng thủ tục cho vay, anh không có mượn tiền hay tài sản gì của bà C liên quan đến hợp đồng vay vốn của bà C tại Quỹ tín dụng. Chữ ký, chữ viết họ tên trong biên nhận ngày 21/01/2020 là đúng chữ ký, chữ viết của anh.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân L1.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Diễm T cùng có nghĩa vụ trả cho Q tín dụng nhân dân Lai Vung số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 18/01/2021 là 39.330.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 339.330.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng số 534/2019 cho đến khi bà C và chị T thi hành án xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Quỹ tín dụng nhân dân L1 mà bà Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Diễm T chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 534/2019 thì Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Diễm T đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Quỹ tín dụng nhân dân L1 phải trả lại cho bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Diễm T toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim C đối với anh Nguyễn Thanh C1.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 8.483.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Q tín dụng nhân dân Lai Vung số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.482.200 đồng theo biên lai thu số 0010857 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 30/9/2022, bà Nguyễn Thị Kim C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Anh Nguyễn Minh T1 lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà vay tiền, ngày 17/12/2019 trả nợ xong, anh Nguyễn Thanh C1 con bác ruột của anh T1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mượn một tuần trả, anh C1 phải trả tiền cho Q tín dụng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Ngày 10/10/2022, chị Nguyễn Thị Diễm T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Bản án sơ thẩm của Tòa án huyện L xét xử chưa thỏa đáng, chị không biết việc vay tiền của các bên, hồ sơ vay mượn chữ viết, chữ ký của chị, chị không có trách nhiệm trả bất kỳ khoản tiền nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà C trình bày anh Nguyễn Thanh C1 phải trả tiền cho Q tín dụng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, thống nhất bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh T1 trình bày anh C1 nên xem lại.

Anh Nguyễn Thanh C1 thống nhất bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Diễm T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C, chị Nguyễn Thị Diễm T nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

- Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Anh Nguyễn Minh T1 lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà vay tiền, ngày 17/12/2019 trả nợ xong, anh Nguyễn Thanh C1 con bác ruột của anh T1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mượn một tuần trả, anh C1 phải trả tiền cho Q tín dụng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quỹ tín dụng yêu cầu bà C và chị T trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/01/2021 là 339.330.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 19/01/2021 đến khi bà C và chị T trả xong nợ. Nếu bà C và chị T không thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký thì yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất 125, tờ bản đồ số 52, giấy quyền sử dụng đất số bìa BV284477, sổ vào sổ GCN CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà C để thu hồi nợ.

Quỹ tín dụng và bà C có lập Hợp đồng tín dụng số 534/2019 ngày 17/12/2019, Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017 tài sản thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 125, tờ bản đồ số 52, diện tích 108,1m², số bìa BV284477, sổ vào sổ GCN: CH03551 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/8/2015 cho hộ bà C với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,95%/tháng, việc vay tiền được thể hiện bằng hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, giấy nhận nợ, phiếu chi tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2021, bà C cho rằng không xác định được chữ ký, chữ viết của bà trong các văn bản Quỹ tín dụng cung cấp, bản thân bị huyết áp sử dụng thuốc nhiều nên không nhớ, khẳng định không có vay tiền của Quỹ tín dụng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà cho anh T1 con nuôi mượn. Sau đó, anh T1 cho anh C1 mượn lại nhưng bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Ngày 13/12/2021, Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản số 306/CCTLCC yêu cầu bà C cung cấp văn bản trình bày ý kiến về việc có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên trong các văn bản Quỹ tín dụng cung cấp trong thời hạn 15 ngày, hết thời hạn bà C không có ý kiến.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng trình bày, để đảm bảo sự thật khách quan Quỹ tín dụng yêu cầu giám định đối với hồ sơ vay của bà C.

Tại Kết luận giám định số 786/KL-KTHS ngày 21/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

Chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Kim C” và “Ng~ Thị Kim C2” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A12 so với chữ ký của Nguyễn Thị Kim C trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M17 do cùng một người ký ra.

Do đó, có cơ sở xác định Quỹ tín dụng yêu cầu bà C trả tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 18/01/2021 là 39.330.000 đồng, tổng

cộng 339.330.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng số 534/2019 ngày 17/12/2019 cho đến khi bà C trả nợ xong là có căn cứ chấp nhận.

Quỹ tín dụng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017, tài sản thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 125, tờ bản đồ số 52, diện tích 108,1m² do hộ bà C đứng tên, để thu hồi nợ. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017 đã được lập theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Nội dung Hợp đồng thế chấp quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, yêu cầu của Quỹ tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

Bà C yêu cầu anh C1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất thửa đất 125, tờ bản đồ số 52, diện tích 108,1m² do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ bà C vào ngày 17/8/2015, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh C1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh C1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua anh T1, việc này cũng không được anh C1 thừa nhận, nên lời trình bày của bà C là chưa có cơ sở.

Bà C yêu cầu anh C1 trả tiền gốc và lãi để Quỹ tín dụng trả lại tài sản thế chấp cho bà, Hợp đồng tín dụng số 534/2019 ngày 17/12/2019 và Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017 thể hiện không liên quan đến anh C1, việc bà C yêu cầu là không có căn cứ. Anh C1 thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong biên nhận ngày 21/01/2020 của anh, bà C không yêu cầu anh C1 trả nợ cho bà, nếu sau này bà C có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

- Xét kháng cáo của chị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Bản án sơ thẩm của Tòa án huyện L xét xử chưa thỏa đáng, chị không biết việc vay tiền của các bên, hồ sơ vay mượn chữ viết, chữ ký của chị, chị không có trách nhiệm trả bất kỳ khoản tiền nào.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy thỏa thuận về việc giao thực hiện các quyền của thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất; giấy đề nghị vay vốn phần người thừa kế thể hiện có chữ ký, chữ viết của chị T, nhưng chị T không thừa nhận chữ viết, chữ ký của chị.

Tại Kết luận giám định số 786/KL-KTHS ngày 21/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

Chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Diễm T” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A14 so với chữ viết của Nguyễn Thị Diễm T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M18 đến M23 không phải do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận đối với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Diễm T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A13, A14, A15 so với chữ ký của Nguyễn Thị Diễm T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M18 đến M17 có phải do cùng một người ký ra không.

Vì vậy, lời trình bày của chị T là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà C kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, yêu cầu kháng cáo của bà C không có căn cứ chấp nhận, chị T kháng cáo cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, yêu cầu kháng cáo của chị T có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có một phần căn cứ chấp nhận, nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà C, chấp nhận kháng cáo của chị T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án nên án phí tính lại cho phù hợp. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Quỹ tín dụng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà C là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo của chị T được chấp nhận không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Về chi phí giám định: Số tiền 12.150.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng tự nguyện chịu đã nộp và chi xong.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C.
2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Diễm T.
3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.
 - 3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân L1.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho Q tín dụng nhân dân Lai Vung số tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 18/01/2021 là 39.330.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 339.330.000 đồng (Ba trăm ba mươi

chín triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng số 534/2019 cho đến khi bà C thi hành án xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Quỹ tín dụng nhân dân L1 mà bà Nguyễn Thị Kim C chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 534/2019 thì Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim C đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Quỹ tín dụng nhân dân L1 phải trả lại cho bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Kim C toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 619/2017/HĐTC ngày 23/11/2017.

3.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim C đối với anh Nguyễn Thanh C1.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị Nguyễn Thị Diễm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Quỹ tín dụng nhân dân L1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 8.482.200 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010857, ngày 08/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Quỹ tín dụng nhân dân Lai V được nhận lại số tiền chênh lệch 8.182.200 đồng (Tám triệu một trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng).

4. Về chi phí giám định: Số tiền 12.150.000 đồng (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) Quỹ tín dụng nhân dân L1 tự nguyện chịu đã nộp và chi xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.
- Chị Nguyễn Thị Diễm T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0010590, ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Chí Dũng